TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **42**/2019/DSST
Ngày: 08-11-2019
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Huệ
Ông Lưu Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà*:** Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SG. Địa chỉ: số 266-268 N, P8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Trần Văn D-đdnđ, sinh năm 1975. Trưởng phong giao dịch Minh Lương (nay là Châu Thành Kiên Giang), là đại diện theo ủy quyền *(có mặt)*

2. Bị đơn: Bà Lê Phượng R-bđ, sinh năm 1964. Địa chỉ: kp 2, thị trấn T11, huyện An Minh, Kiên Giang. *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của Ngân hàng TMCP SG trình bày và yêu cầu như sau:

Ngày 03/12/2014, bà Lê Phượng R-bđ vay của Ngân hàng TMCP SG (tại Phòng giao dịch Minh Lương) số tiền 80.000.000đ, lãi suất 0,9%/tháng, mục

đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 48 tháng, hình thức trả vốn, laaix định kỳ, mỗi kỳ là 2.386.000đ; thời điểm trả hết nợ là 03/12/2018. Vay tín chấp lương.

Thời điểm vay, bà R-bđ công tác tại Văn phòng Huyện ủy An Minh và cư trú tại kp 2, thị trấn T11, huyện An Minh, Kiên Giang.

Sau khi vay, bà R-bđ trả được tổng cộng vốn, lãi 59.706.000đ.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà R-bđ trả gốc còn lại là 35.414.000đ và lãi đến ngày 30/9/2019 gồm lãi trong hạn 22.627.260đ và lãi quá hạn 6.959.010đ. Đồng thời phải trả lãi theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

Yêu cầu bà R-bđ phải trả số tiền vay đến ngày xét xử (o0-11-2019) là 65.621.785đ gồm: gốc 35.414.000đ, lãi trong hạn 23.041.604đ, lãi quá hạn 7.166.182đ. Không yêu cầu gì đối với cơ quan quản lý bà R-bđ trước đây.

Bị đơn bà Phượng R-bđ vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; phía bị đơn vắng mặt nên đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định, việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà R-bđ phải trả cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Nguyên đơn với bị đơn thiết lập hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều. Sau khi vay bị đơn không trả đủ tiền nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay. Do đó, đây là tranh chấp về dân sự và quan hệ pháp luật là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

[2] Theo các tài liệu: Địa chỉ ghi trong Hợp đồng tín dụng; sổ hộ khẩu; phiếu xác minh và biên bản xác minh ngày 13-9-2019 của Tòa án cho thấy bà R-bđ có nơi cư trú cuối cùng là kp 2, thị trấn T11, huyện An Minh nên Tòa án nhân dân huyện An Minh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (bằng các hình thức niêm yết công khai và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng) nhưng bà R-bđ đều vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bà R-bđ vắng mặt không vì sự

kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà R-bđ.

[3] Về nội dung: có đủ cơ sở để xác định giữa Ngân hàng TMCP SG (do Phòng Giao dịch Minh Lương, Chi nhánh Kiên Giang ký) và bà Lê Phượng R-bđ đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD 1433800329 ngày 03-12-2014 và Giấy nhận nợ số 01 cùng ngày. Theo hợp đồng, bên Ngân hàng cho bên bà R-bđ vay số tiền gốc 80.000.000đ, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 48 tháng, thời điểm trả hết nợ là ngày 03-12-2018; lãi suất vay 0.9%/tháng; phương thức trả nợ theo định kỳ, mỗi kỳ trả 2.386.000đ. Hợp đồng giữa các bên có nội dung và hình thức phù hợp pháp luật nên là hợp đồng hợp pháp và phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo thỏa thuận. Sau khi vay bà R-bđ trả được 59.706.000đ rồi không trả nợ nữa.

[4] Như vậy, bên vay là bà R-bđ có trách nhiệm trả gốc và lãi định kỳ nhưng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nhiều lần là vi phạm thỏa thuận tại khoản 2 của Phụ lục kèm theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết và quy định tại khoản 2 Điều 91 và Điều 94 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 (luật có hiệu lực tại thời điểm giao kết). Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà R-bđ trả toàn bộ số tiền gốc là có căn cứ. Tiền lãi được tính đúng theo thỏa thuận và quy định của pháp luật nên được chấp nhận. HĐXX buộc bà R-bđ trả cho Ngân hàng tổng số tiền đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08-11-2019) là 65.621.785đ gồm: gốc 35.414.000đ, lãi trong hạn 23.041.604đ, lãi quá hạn 7.166.182đ.

Đối với nghĩa vụ chậm thi hành án tiền vay do tổ chức tín dụng cho vay, áp dụng Án lệ số 08/2016/AL công bố theo quyết định số 698/QĐ - CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để tính lãi chậm trả.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là: 65.621.785đ x 5% = 3.281.089đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 288, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 và Điều 94 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL công bố theo

quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử:

1. Buộc bà Lê Phượng R-bđ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần SG tổng số tiền là 65.621.785đ gồm: gốc 35.414.000đ, lãi trong hạn 23.041.604đ, lãi quá hạn 7.166.182đ.

"Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà R-bđ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay".

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Phượng R-bđ phải chịu 3.281.089đ.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần SG số tiền tạm ứng án phí 1.308.675đ đã nộp tại biên lai số 0005593 ngày 06-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 08-11-2019); đương sự vắng mặt tại phiên tòa (bà R-bđ) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Công

Lê Chí Công